

Tôi đi thăm cụ Trần Văn Hương sau ngày mất nước



Sau mỗi lần vượt biên không thành, tinh thần tôi xuống dốc thảm hại. Đây đâu phải lần đầu tiên mẹ con tôi vượt biên. Có lần đi rồi về, có chuyến đi bị giông bão ghe sắp chìm, lần ấy có hai đứa con của chị Phạm Văn Phú gởi theo nên tôi phải quay về bình an không ai bị bắt. Nhưng lần này thì tôi buồn hận lắm, mất hết niềm tin tất cả và cũng chẳng hiểu vì sao, vì lý do gì? Tôi đi lang thang suốt ngày ngoài đường cho vơi đi nỗi sầu và tìm đến với các chị mua bán “chui” hột xoàn, vàng bạc. Phần đông các chị là vợ các sĩ quan đi “cải tạo” nhìn sơ qua là biết liền. Các chị mặc áo bà ba, đội nón lá, đeo túi sách trên vai, ngồi tùm năm, tùm ba ở các đầu đường thì thăm to nhỏ, trao đổi món hàng, thông tin, giá cả. Đó là “phe ta” lúc đầu chưa có sạp, trông rất bụi đời, họ nhìn quanh quất đợi khách hàng và cũng canh chừng công an. Các chị di chuyển rất nhanh nhưng dễ tiếp xúc, dễ làm quen. Hễ quen rồi, có vật gì đưa ra cho các chị, chờ đợi một chút xíu là có tiền mang về nhà ngay để nuôi con, nuôi chồng bị tù đầy cải tạo chẳng biết đến bao giờ mới được thả về. Vậy mà các chị rất tài, thỉnh

thoảng có điều kiện là cho vài đứa con đi vượt biên trốn lốt. Riêng tôi chẳng buôn bán gì cả, chỉ ra ngôi chơi nghe tin tức thất thiệt sau này biết ra toàn la tin dỏm. Rồi chúng tôi rủ nhau đi ăn quà và tụ tập ở nhà chị Phú chơi. Nhà chị ở đường bà Huyện Thanh Quan, lúc nào cũng có kẻ ra người vào, mà chị cứ tỉnh bơ. Chị còn chịu chơi hơn nữa là treo một bức hình vẽ truyền thần tướng Phạm Văn Phú mặc quân phục đeo hai sao trên ve cổ áo, lớn bằng nửa bức tường ở trên lầu ai vào cũng thấy. Ít lâu sau, tôi nghe tin chị bị bắt do em chị báo tin hơn một tháng trời ở Phan Đăng Lưu mới được thả về. Người chị trông hốc hác gầy gò nhưng ý chí và tinh thần vẫn như xưa. Tôi chẳng hiểu chị bị bắt vì lý do gì? Đám CS muốn dẫn mặt chị hay muốn cướp đoạt nhà cửa chị? Giả sử nhà cửa của chị do người khác đứng tên thì bọn chúng đành chịu thua nên thả chị về? Chúng tôi lại đến nhà chị tụ tập như cũ, ý chừng phải dè dặt hơn. Tôi vẫn thấy bức hình tướng Phú y chỗ cũ. Tôi suy nghĩ vẫn vợ là nếu tụi công an đến nhà bắt chị phải hạ bức hình ấy xuống thì chắc chị sẽ rất ngây thơ trả lời tụi nó rằng: hình của chồng tôi, tôi treo trong nhà tôi mắc mớ gì ai? tại sao phải hạ xuống? Có luật nào cấm không cho vợ treo hình chồng? Tôi hiểu rõ tính chị, chắc chị sẽ trả lời với bọn chúng như vậy. Nhưng rất may chuyện ấy không xảy ra. Tôi rất cảm phục chị Phú con người rất rộng lượng, rộng phước, rất sùng đạo Phật, ưa giúp đỡ mọi người. Tôi nhìn chị qua những nét đẹp của tâm hồn chị đúng với câu thơ cho rất nhiều song chẳng nhận bao nhiêu. Hơn nữa tôi thật lòng quý mến chị chứ chồng tôi chưa hề làm việc dưới quyền tướng Phạm Văn Phú một ngày nào cả.

Một hôm chị rủ tôi đi thăm cụ Trần Văn Hương, vi Tổng Thống cuối cùng 7 ngày của nền Đệ Nhị Cộng Hòa vào tuần lễ sau đó, sau khi nhờ anh Tư, người bà con bên chị liên lạc xin gặp. Cụ đồng ý qua người cháu gọi cụ bằng cậu với lời dặn: xin các bà mặc thường phục thôi. Chúng tôi tiếp xúc hỏi han người nhà cụ thật nhiều để biết tình trạng sức khỏe và sự sinh hoạt của cụ trong suốt mấy năm qua (1975-1979). Được

biết cụ không hề bước chân ra khỏi nhà vì trước cổng lúc nào cũng có công an canh gác ở đó mà cụ rất ghét. Có lần cụ bị bệnh nặng, người con trai của cụ tên Trần Văn Giỏi đi tập kết ra Bắc năm 1954, có vợ là bác sĩ làm việc ở bệnh viện Thống Nhất (bệnh viện Ví Dân cũ) đưa cụ vào đây để chữa trị. Nghe nói bệnh viện này chỉ dành riêng cho cán bộ cao cấp CS vào nằm để được săn sóc sức khỏe kỹ hơn, cụ nổi giận chối từ thẳng thừng ân huệ này, nhất định không cho bác sĩ CS sờ vào người cụ chớ đừng nói chi đến chữa trị, thuốc men. Đột lúc cụ còn lớn tiếng mắng chửi thẳng vào mặt tụi cán bộ, sau cùng chúng đành phải chuyển cụ qua bệnh viện Chợ Rẫy theo ý muốn của cụ để cho các bác sĩ y khoa nguy chữa trị. Hết bệnh cụ được đưa về nhà tử tế. Có lần, cán bộ cao cấp CS đến tận nhà trao trả quyền công dân cho cụ, cụ khăng khại khước từ. Cụ bảo rằng cụ sẽ là người cuối cùng nhận sự trao trả ấy khi nào tất cả những quân nhân, viên chức chánh quyền VNCH đã bị giam cầm trong các trại cải tạo được tha về và họ cũng được trao trả quyền công dân đầy đủ chẳng thiếu một ai.

Về sinh hoạt, từ lúc ở Phủ Cây Tùng đưa ra ngoài, cụ ít nói, không liên lạc với ai và chắc cũng không ai dám liên lạc với cụ. Cụ cũng không có gì để mang theo ngoài một vài vật dụng cá nhân với mấy cái áo veste và cây baton chống chân. Cụ không có bà xã để lo chuyện tiền bạc dành dụm cho nên gia cảnh cụ rất thanh bạch nếu không nói là rất túng thiếu. Cụ thường hay hỏi nhà còn gạo không? Qua lời thuật lại của người cháu trai ở với cụ, đám chị em chúng tôi rất mừng lòng và thương quý cụ vô cùng. Chúng tôi hiểu cụ không hề bước chân ra khỏi cửa sau ngày mất nước nên cụ không trông thấy cái xã hội đầy đủ trước kia đã sụp đổ tan tành như thế nào. Một sự đổi đời thật sự đau đớn như thế nào! Chúng tôi đâu còn áo dài tha thướt, hình dung yếu điệu như ngày nào nữa! bao nhiêu các áo dài của tôi đã lần lượt theo nhau ra chợ trời hết rồi! Còn mấy cái còn lại thì đã sửa thành áo bà ba mặc cho hợp với mọi người lúc bấy giờ. Chắc cụ nghĩ là mấy bà đến thăm sẽ mặc áo dài còn cụ thì mặc đồ bình dân nên cụ mới

dặn trước xin quý bà mặc thường phục kéo có cảnh lung tung khó xử chẳng? xin nói thật, lúc ấy, sau các đợt đánh tư sản tơi bời hoa lá, vải vóc khó tìm, quần áo may sẵn dấu mất. Tôi muốn có một bộ đồ tốt làm quà biếu cụ mà kiếm mãi không ra. Bỗng tôi sực nhớ có tấm drap giường mới tinh, còn trong bọc nhựa mua ở chợ trời. Tôi liền cắt may một bộ bà ba đàn ông để đợi ngày đi thăm cụ. Ngoài ra tôi còn chuẩn bị 20 kg gạo ngon để mang theo. Đoàn chị em chúng tôi có năm người là chị Phú, anh Tư, hai vợ chồng người bạn của chị Phú và tôi. Chúng tôi được đưa đến đường Phan Thanh Giản gần trường Gia Long, trong một con hẻm khá sâu. Nơi cụ ở là một căn phố lâu khá rộng. Đồ đạc bày biện sơ sài không có gì quý giá. Chúng tôi được đưa lên phía sân thượng, nơi căn phòng nhỏ cụ Hương đang ngồi đợi đón chúng tôi. Chị Phú dĩ nhiên cụ đã biết rồi và chị giới thiệu chúng tôi với cụ. Nhìn thấy cụ tôi thật ngỡ sỡ không thể tưởng tượng được đây là một Phó Tổng Thống hay một Tổng Thống khác xa với bao lần tôi nhìn thấy cụ trên ti-vi.

Trước mắt tôi hiện giờ là một cụ già đơn sơ tiêu tụy. Mình mặc một cái áo thun ba lỗ, một cái quần đùi dài tới đầu gối cột sợi dây thun quanh ống quần. Chân đi dép kẹp, cặp mắt kiếng cụ đã gãy một gọng, phải cột dây vòng ra sau ót để giữ chặt khi đeo kính. Da cụ sạm màu nhưng trông sức khỏe còn tốt. Đời cụ hoạt động đã nhiều, tiết tháo, tiếng thơm không phải là ít. Những danh phận chức tước của cụ bỗng quay nhanh trông kỷ ức của tôi, nào là:

- Giáo sư trung học ở Mỹ Tho.
- Thanh tra học chính ở Tây Ninh
- Đô trưởng Đô Thành Sài Gòn 2 lần.
- Thủ Tướng chánh phủ 2 lần.
- Phó Tổng Thống
- Tổng Thống VNCH (từ 21-4-1975 đến 28-4-1975).

Cụ đã để lại cho đời cái cái tiếng ông già gân ngay thẳng, gan lì, bất khuất. Ông Đô Trưởng đi làm bằng xe đạp. Một tấm gương trong sạch mà người đương thời ít ai sánh kịp. Một Hạ Sĩ danh dự của quân đội rất yêu thương người lính ngày đêm gian khổ gìn giữ quê hương.

Còn nữa, trước khi Sài Gòn mất, mọi người lo tìm đường thoát họa cộng sản. Đại sứ Hoa Kỳ đến từ Dinh mời cụ ra đi nước ngoài và hứa nước Mỹ sẽ lo cho cụ đầy đủ, an hưởng tuổi già. Cụ cảm ơn và nhất định từ chối, quyết ở lại chia xẻ nạn với đồng bào miền Nam.

Một con người từ nhà mô phạm sang lãnh vực chánh trị, tước cao quyền trọng như vậy lại có đủ đảm lược, sĩ khí, thanh bần đến độ như vậy. Thật là tội nghiệp, mắt tôi rướm lệ, lòng tôi xốn xang cay đắng.

Gặp chị em tôi, cụ rất tự nhiên, vui vẻ không một chút mặc cảm nghèo khó nào. Mắt cụ rất sáng, giọng nói sang sảng. Cụ hỏi thăm chị Phú về anh Phú mà cụ rất thương. Cụ ngồi nhắc lại rành mạch tất cả các biến cố lịch sử của đất nước từng ngày từng chi tiết. Quả thật cụ có một trí nhớ đặc biệt so với số tuổi già của cụ. Cụ nói chuyện rất sôi nổi, hào hứng không dứt được. Tôi có cảm tưởng hình như đã từ lâu lắm rồi cụ chưa hề được nói chuyện như vậy. Cụ nhắc lại tên tuổi một vài tướng lãnh đã từng quen biết. Chúng tôi ngồi im nghe cụ nói, rồi cụ buồn buồn vinh danh các vị tướng can trường, tiết tháo, gạt bỏ tình riêng nhận lấy trách nhiệm làm mất nước, đã tự sát theo mệnh tàn của đất nước trong ngày 30-04-1975.

Cụ xúc động nói lên điều này không biết có phải chúng tôi là vợ các tướng tá đã mất chồng hoặc đang vắng chồng làm cho cụ áy náy nghĩ đến trách nhiệm của chính mình hay của các nhà lãnh đạo VNCH trước và sau cụ hay không? Còn tôi cứ bị cuộc sống vật chất thiếu thốn của cụ làm vấn vương tâm trí. Tôi tự hỏi: thế thì một con người chức to tước lớn để làm gì, quyền cao thế mạnh để làm gì mà cụ không có cái gì cả,

kể cả những gì gọi là tính cố phòng cơ? Tại sao cụ không chọn lấy con đường an thân nhân hạ, vui sướng cuộc đời? Tôi tự hỏi như vậy và tôi cũng tự trả lời cho tôi như thế này: nếu thường tình như thế thì người ấy đâu phải là cụ Trần Văn Hương? Người ấy cũng đâu phải là một kẻ sĩ quốc gia hưng vong thất phu hữu trách như cụ Trần Văn Hương? người ấy lại càng không phải là một nhà lãnh đạo yêu nước thương dân, can đảm, nhận lấy trách nhiệm, không trốn chạy mang theo tài sản sống đời lưu vong như cụ Trần Văn Hương? Tôi đang vấn đáp trong tư tưởng như vậy thì kịp lúc chị Phú xin phép kiểu từ cụ ra về. Chị Phú xin biểu cụ một phong bì dày. Vợ chồng người bạn biểu một bộ pyjama và tôi một bộ bà ba đàn ông với 20 kg gạo. Như tôi đã nói phần trên, Cụ nhận lấy, lòng chúng tôi vui như mở hội. Đây chỉ là những món quà mọn, không bàn nhau trước nhưng ai cũng có trong khi già từ, coi như lòng thơm thảo của con dân VNCH nghĩ đến vị Phó Tổng Thống cứng cõi, thanh bạch của mình. Một vị Tổng Thống dám nhận trách nhiệm trước quốc dân đồng bào của chúng ta khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Chắc mọi người đều nhớ Lương Viện Quốc Hội họp khoáng đại hội nghị đồng ý cho Tổng Thống Trần Văn Hương trao quyền lãnh đạo cho Đại Tướng Dương Văn Minh mong tìm một giải pháp chính trị tuyệt vọng cho miền nam tại Dinh Độc Lập (phủ đầu rồng) chiều ngày 28 tháng 4 năm 1975, một buổi chiều mưa gió sầm thẫm chỉ cách 36 tiếng đồng hồ sau quân đội Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm Sài Gòn.

Hơn hai năm sau, vào ngày 27 tháng 1 năm 1982 nhằm ngày mùng 3 tết Nhâm Tuất, cụ Trần Văn Hương mất lúc 4 giờ chiều, thọ 80 tuổi. Hai người bạn thân với ít người trong gia đình âm thầm đến lo việc tẩm liệm và hỏa tang cụ chu toàn. Đó là giáo sư Nguyễn Ngọc An, nguyên Tổng Trưởng Thông Tin, Chiêu Hồi, và cụ Mai Thọ Truyền, Hội Trưởng Hội Khổng Học Sài Gòn. Nghe tin, một số ít bạn bè, lính tráng phục dịch canh gác cũ cũng đến chào tiễn biệt cụ. Tôi nghĩ nếu như cụ còn người bạn đời bên cạnh, chăm non săn sóc kỹ lưỡng, dinh

duỡng đầy đủ có lẽ cụ còn thọ lâu hơn nữa. Tôi cũng cảm thấy sung sướng được đi thăm cụ và buồn tủi cho sự lãng quên của người dân miền nam, người dân của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Hôm nay tôi có dịp ghi lại những giong chữ này nhằm nêu lên một con người, một biểu tượng của lòng yêu nước thiết tha, tinh thần phục vụ quên mình, giữ tròn khí tiết thanh cao mà cụ Trần Văn Hương là tiêu biểu cao nhất.

Trong thời gian mấy mươi năm qua, tùy theo quan điểm thành bại luận anh hùng, có người có thể phê phán việc làm của cụ tùy nơi, tùy lúc, đúng hay sai, hay hoặc dở, nhưng chắc chắn không ai phủ nhận được tư cách xứng đáng, phẩm hạnh cao quý của cụ suốt 80 năm cuộc đời. Rồi đây lịch sử rất công bằng, sẽ ghi lại tất cả mọi biến cố, con người, mọi vinh quang tủi nhục của đất nước, của hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa cho các thế hệ mai sau./

Trần Vũ

Bà Nguyễn Hữu Thiên / 5B

Dallas 10/24/03





Nghĩ về anh VÕ BỊ

Đúng như “ Lá thư tòa soạn ” mà Chủ bút Đa Hiệu, anh Đ.P. Hải đã viết:

“Đa hiệu 69, qua từng chữ, từng trang, bao hình ảnh đặc biệt của các cựu SVSQ , trường Mẹ, Lâm Viên, Đồi Bắc ... Tiếng kèn quân ngũ sáng, trưa, chiều, phấn trắng bảng đen trong mùa Văn hóa. Núi đồi, thác đổ, rừng thông, đêm di hành, ngày chiến thuật trong mùa Quân sự ... Tất cả như đang xôn xao, rung động ...”

Tôi, một nàng dâu Võ Bị ... cũng như đang xôn xao, rung động khi đọc Đa Hiệu 69, không bỏ sót chương nào. Càng đọc, tôi càng khâm phục Chủ bút, chủ nhiệm, đã khéo chọn đề tài rất hấp dẫn, lý thú và ý nghĩa, để hâm nóng lại quá khứ cho các anh Võ Bị Đà Lạt, và để cho những nàng dâu Võ Bị hiểu, biết được những gì mà “Ông Xã” mình đã trải qua trong thời gian thụ huấn tại trường.

Chuyến xe lửa tốc hành đã đưa các anh từ các nơi đổ về Đà Lạt. Rồi bỏ gia đình, chia tay người yêu, rũ áo thư sinh, các anh quyết định hưởng đi của mình, bước chân vào đời quân ngũ, ước mơ giữ gìn và phụng sự Tổ Quốc. Trường Võ Bị Đà Lạt là nơi bắt đầu cuộc sống mới của các anh.

Nếu không có những hình ảnh trong ĐH69, Chúng tôi chỉ biết mơ hồ về nhng ngày đầu tiên của các anh: bị phạt khi không tuân lệnh, cưỡi đầu, cãi lệnh, bị vài chục cái hít đất, vài tram cái nhảy xồm! Chuyện đó là thường. Nhưng trang 63 đã cho tôi một ấn tượng “không tốt” đối với mấy ông cán bộ huấn luyện.

Các chàng thư sinh, trong đó có bạn cùng lớp với tôi, có người yêu, có ông chồng tương lai của tôi, với nét mặt “ngây ngô” cười nói, vui vẻ, hớn hở, đâu có biết được Que Sera, Sera! What will be, will be, will be... Và chỉ trong vài tiếng đồng hồ sau, lệnh “chạy theo tôi”, chạy, chạy, đến nỗi “mềm như con bún”, nằm la liệt trên sân cỏ, như những xác chết trên bãi chiến trường. Tỉnh dậy, phải đi tắm bùn, rồi chạy ... chạy, nhảy xồm, hít đất, các anh chỉ biết tuân lệnh như một cái máy! Trong các anh, dĩ nhiên có anh là con trưởng, con thứ, con cưng trong gia đình. Ở với gia đình, đôi lúc cãi lại cha mẹ, nhưng vẫn được tha thứ, cưng chiều, trái gió, trở trời, trầy da, chảy máu, mẹ xuýt xoa, lo lắng. Nhưng ở đây “cái lò hun đúc chí khí làm trai” đã làm các anh dở sống, dở chết, “mềm như bún”, có ai thương xót? có ai xuýt xoa, vuốt ve các anh?. Nhưng, tôi nhìn hình ảnh thối, mà “đứt từng khúc ruột” (hơi xạo!!).

Đường trường xa, muôn vó câu bay chập chờn. Ngựa chạy xa, chập chờn muôn vó câu. Các anh chạy xa, với ba lô nặng trĩu trên vai, đôi mắt “chập chờn hình ảnh ông cán bộ”! Rõ ràng ông ta là hung thần! Ngay giờ ăn, “trời đánh tránh bữa ăn”, mà ông ta đâu có tha thứ cho các anh. Bụng đói cồn cào, anh cũng phải ngồi vuông góc, gập cằm! Sao mà khổ thế? Biết thế này, ta ở nhà, chạy ra Nguyễn Huệ, ăn một tô phở bò, hành trần nước béo, hay ở Huế, ta ăn tô bún bò “Mụ Rớt”! Tóc ta chải bông bênh, đầu “brillantine” bóng loáng, ruồi đậu trượt lên trượt xuống, giờ đây chỉ một đường dao, tóc chỉ còn một phân. Trông mặt anh nào anh nấy, ngó giống như “trẻ thơ”! Mấy bộ đồ lính thì thùng thình, như mẹ mua áo quần trừ hao, sợ con lớn nhanh, tốn tiền mua bộ

khác! Đã thế , đêm ngủ, sáng ra nghe tiếng kèn báo thức, giật mình ... hung thần réo gọi!

Đã có anh đêm nằm thút thít khóc: mẹ ơi, con khổ! Có anh thở dài: em ơi! anh cực. Có anh mệt lả người, ngáy như sấm! (Qua sự tưởng tượng của tôi, có đúng sự thật chăng?).

Trời hỡi trời, phóng lao phải theo lao.

Trời cao có thấu! Cúi xin ngài ban phước cho con ... chịu đựng được cái “kỳ cực, cái ác, cái vô lý..” của ông cán bộ huấn luyện, để cho con vượt qua được 8 tuần sơ khởi, mà tưởng tượng như 8 năm dài! Các anh đã học cách tuyệt đối phục tùng cấp chỉ huy, mặc dù lệnh phạt quá kỳ cực, các anh phải chấp nhận, thi hành không có ý kiến. Sự chịu đựng , trì chí, quyết tâm, vững niềm tin... các anh đã thắng. Qua 8 tuần sơ khởi thử sức đây cam go gian khổ các anh đã hãnh diện nhận lấy cặp Alpha đỏ, và ngẩng mặt kiêu hãnh mình đã thực thụ trở thành một SVSQ của trường Võ Bị nổi tiếng nhất Đông Nam Á.

Trường Mẹ đã rèn luyện các anh thành những người hữu dụng, đào tạo các anh thành những cán bộ chỉ huy quân đội tài ba. Làm vợ các anh, làm dâu Võ Bị, chị em chúng tôi rất hãnh diện.

Trở bàn tay, đất nước bị rơi vào tay Cộng Sản, một số đông các anh bị Cộng Sản bắt đi tù. Các anh vẫn giữ được tác phong, khí thế của người trai Võ Bị, của một Sĩ Quan quân lực VNCH, không luồn cúi, không nịnh bợ, không van xin, có anh đã tử tiết vì không chịu nhục khi sống với Cộng Sản.

**

- Trung Tá Võ Văn Đường K11, Trưởng Ty Cảnh Sát Chương Thiện, không hàng giặc, chiến đấu

đến cùng , bị giặc bắt và bị xử tử.

- Trung Tá Nguyễn Văn Đức K11,(Trưởng Ty Cảnh Sát giao thông công lộ Saigon), thù chết thơn hơn sống nhục, đã tự kết liễu đời mình 30/4/75.

- Đại Tá Nguyễn Hữu Thông K16, Trung đoàn trưởng SĐ22BB tự tử ở miền Trung khi VC chiếm miền Trung

- Đại Tá Đoàn Phương Thanh K16, Trung đoàn trưởng SĐ7BB, vượt ngục tại trại tù miền Bắc, bị bắt lại, bị đánh đập đến tử thương năm 1978.

- Trung Tá Võ Vàng K17, Trung đoàn trưởng SĐ2BB, không khuất phục trước dã tâm của của bọn cai tù CS, chống đối kịch liệt, nên đã bị bọn CS ám hại hèn hạ vào ngày 13/4/76.

- Trung Tá Phạm Ngọc Lương K17, Tiểu đoàn trưởng TĐ1/3 SĐ1BB, sau 30/4/75 tổng chỉ huy khởi nghĩa Mậu Ngọ tại Huế bị thất bại. Anh bị bắt, tổ khí phách hiên ngang, vạch tội bọn VC. Anh Lương bị bắn tại trường bia Huế năm 1980.

- Thiếu Tá Trần Văn Bé và Phạm Văn Tư K19, không chịu nhục nhã trong trại tù, đã can đảm trốn trại, bị VC xử tử hình trong trại tù Suối Máu.

- Huỳnh Kim Quang K25, đang còn là SVSQ, vinh dự đem thân mình làm bức bình phong, ngăn cản bước tiến của Việt Cộng, để bảo vệ cổng Nam Quan trường mẹ, bảo vệ anh em, bị VC bắn ngay tại cổng trường.

.... Và còn nhiều .. nhiều những Sĩ quan, những cán bộ chỉ huy quân đội tài ba - do trường Mẹ đào tạo, dạy dỗ, cứu mạng từ 2 - 4 năm - Các anh đã nằm xuống trong vinh quang - Những anh hùng được ghi

đăng vào sử sách để thế hệ con cháu tôn thờ, học được tinh thần tự thắng của các bậc cha chú xuất thân từ trường Võ Bị - Và đã có các con em các anh - thế hệ 2 nối gót trở thành những Sĩ quan, xuất thân từ các trường Hải, Lục, Không quân danh tiếng của Hoa Kỳ:

- Thiếu tá Nguyễn Việt Tuấn (con trai cựu SVSQ -

- Nguyễn Văn Thiệt K14) phục vụ trong Lục quân Hoa Kỳ.

- Võ Phi Sơn (Con trai cựu SVSQ Võ Phi Hồ K17), Thiếu tá Không Quân trong quân đội Hoa Kỳ

(combat training team chief của Apache Longbow)

- Trương Nha Trang (con gái cựu SVSQ Trương Khương K19), Đại Úy Quân báo trong quân lực Hoa Kỳ.

- Lưu Xuân Thọ (con trai cựu SVSQ Lưu Xuân Phước K24), Thiếu úy Thiết giáp quân đội Hoa Kỳ.

- Tạ Vương (con trai cựu SVSQ Tạ Thúc Thái K25) , SĐ 1 Marines Corps đã tiến vào thủ đô Baghdad diệt chế độ Sadam.

- Elizabeth Trần Mộng Thùy Châu, ái nữ cựu SVSQ Trần Văn Thư K13, đã đặc cử vào chức vụ

“Nữ Thống đốc hiệp hội thiếu nữ tiểu bang Oregon)

- Em bé 10 tuổi Đỗ Hoàng Bảo Anh (con gái cựu SVSQ Đỗ Trọng Đạt K29), học sinh lớp 4 trường

tiểu học Starlight Cove Elementary School thành phố Lantane, S. Florida, thấy nhà trường treo cờ máu CS, em đã đem lá cờ vàng ba sọc đỏ trình bày và giải thích với Bà Hiệu trưởng về ý nghĩa của lá cờ tự do VNCH – Em đã hạ được lá cờ máu CS, vào chiều ngày 19/4/2000 tại buổi Tnternational

Talent Show Around the World, ngọn cờ vàng ba sọc đỏ đã hiên ngang, oai hùng bay phất phới bên cạnh lá cờ Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Rõ ràng là : Hồ phụ sinh hổ tử.

Các anh là con của Mẹ (trường Võ Bị), con cháu các anh là cháu của Mẹ, đang nối gót các anh để làm rạng danh cho giòng giống Võ Bị – Chắt máu trong người các anh truyền cho đời con, đời cháu, thấm sâu vào huyết quản của chúng: cái ý chí bất khuất, tinh thần tự thắng để chỉ huy.

Giờ đây, Tổng Hội Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu đã có Trần Quốc Dũng, Lữ Anh Thư, Vũ Xuân Huy, Lê Nguyễn Phương Thảo, Trần Quang Phong, Trần Quang Bảo ... đang là gạch nối, để giữ cho Đa Hiệu, hay nói rộng ra, Trường Võ Bị Quốc

Gia Việt Nam, vẫn sống mãi trong lòng mọi người.

Các anh vẫn còn giữ được truyền thống Võ Bị, Kính trên nhường dưới. Gặp nhau tay bắt mặt mừng: Kính Niên trưởng, chào Niên đệ. Câu chào hỏi đó, đã đánh giá được trường Mẹ đã dạy dỗ, chăm chút các anh cả trí, đức thể, Nơi đâu các anh cũng có anh em, cả đại gia đình Võ Bị, đoàn kết thương yêu, kính mến lẫn nhau.

Đọc Đa Hiệu 69, khơi lại cho các anh những kỷ niệm vui buồn thời trai trẻ trong trường Võ Bị ..., nhớ người yêu xưa, nhớ cánh hoa Mimosa vabg rực, nhớ bộ đồ dạo phố mùa hè ...

Đã qua rồi! Thực tại, nhìn lại mình :

Đời đã xanh rêu !

Nhưng, dù tuổi đã xế chiều, tóc đã bạc, các anh vẫn hãnh diện mình là Cựu Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị – Và tin tưởng con cháu thế hệ 2 nối gót các anh đã, đang – làm rạng danh cho Võ Bị, và sẽ còn làm hơn các anh trong tương lai – dành lại tự do cho quê hương VN thân yêu của chúng ta, chế độ Cộng Sản sẽ phải bị hủy diệt.

Một niềm tin – Một niềm tin cho ngày mai.

Một chiều mưa cuối năm 2003

DH - Vợ Diệm (K17)

** Trích từ các tập Đa Hiệu



**Diễn Đàn Văn Học
Xuân Giáp Thân**

**Nguyễn Trãi
(1380-1442)**



(Thân thế và sự nghiệp)
Lê Hữu Cường (K.16)

Nguyễn Trãi, nhà trù hoạch quân mưu, vừa là nhà văn học thiên tài của nước Đại Việt vào đời Hậu Lê (thế kỷ XV).

Tên **hiệu** của ông là **Ức Trai**, người gốc gác làng Chi Ngại, huyện Phượng Nhãn (tức huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Sau này, gia đình ông di cư sang làng Ngọc Ổi (tức làng Nhị Khê), huyện Thượng Phúc (tức phủ Thường Tín), tỉnh Hà Đông (Hà Tây sau này).

Năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, có tổ chức khoa thi tuyển chọn nhân tài đầu tiên. Nguyễn Trãi thi đỗ Thái Học Sinh khoa này, rồi ra làm quan, với chức Ngự-Sử-Đài Chánh-Chưởng đời Hồ Hán Thương. Năm Đinh Hợi (1407), giặc Minh sang xâm lăng nước ta, cha con Hồ Quý Ly cùng một số triều thần bị giặc bắt giải về Kim Lăng bên Tàu. Trong số triều thần có Trung Thư Thị Lang kiêm Quốc Tử Giám Tu Soạn **Nguyễn Phi Khanh** là cha của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi bèn gót theo cha đến ả Nam Quan cho tròn chữ hiếu. Nguyễn Phi Khanh khuyên con trai nên trở về *“tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha mới là đại hiếu”*. Nguyễn Trãi vâng lời cha quay gót

trở về đến Đông Quan (thành Thăng Long) thì bị giặc bắt giam lỏng. Ở đây, chúng vừa hăm dọa vừa mua chuộc ông ra làm thư lại cộng tác với nguy quyền nhà Minh. Nguyễn Trãi từ chối và bất hợp tác với giặc.

Ở tù đến năm Đinh Dậu (1417), Nguyễn Trãi trốn khỏi nơi giam giữ, tìm đường vào Lam Sơn, Thanh Hóa phò tá BìnhĐịnh Vương Lê Lợi trong công cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm.

Năm Canh Tý (1420), Nguyễn Trãi dâng “*Bình Ngô Sách*” cho Lê Lợi, từ đó ông rất được trọng dụng. Ông lập được nhiều công, nhất là việc trù hoạch quân mưu trong suốt thời kỳ chống giặc.

Năm Đinh Mùi (1427), khi cuộc kháng chiến thành công, Nguyễn Trãi thảo bài “*Bình Ngô Đại Cáo*(*)”, báo cáo cho quốc dân biết rõ từng chi tiết về việc đánh đuổi giặc Minh từ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cho đến ngày toàn thắng (1418-1427). [(*)Tại sao Nguyễn Trãi không viết là “*Bình Minh Đại Cáo*” mà lại viết là “*Bình Ngô Đại Cáo*”?- Bởi Minh Thế Tổ (vua nhà Minh) dấy nghiệp ở đất **Ngô** bên Tàu, do đó thời Lê-sơ dân ta quen gọi người Minh là người Ngô; cho nên khi báo cáo với quốc dân về vấn đề quốc sự trọng đại, Nguyễn Trãi phải sử dụng những từ ngữ quen thuộc, mà hằng ngày họ quen dùng cho dễ hiểu, dễ in sâu vào ký ức của mỗi người dân trong mọi tầng lớp của xã hội.]

Mùa Xuân năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, Nguyễn Trãi được đổi thành họ Lê, đồng thời được phong làm Triều Liệt Đại Phu, Nhập Nội Hành Khiển (Thủ Tướng ngày nay), Lại Bộ Thượng Thư, tước Quan Phục Hầu.

Năm Kỷ Dậu (1429), Nguyễn Trãi chấp hành lệnh Lê Thái Tổ thay vua viết “*Chiếu cầu hiền tài*”.

Năm Canh Tuất (1430), Nguyễn Trãi thay vua viết “*Chiếu cấm các đại thần, tổng quản cùng các quan ở viện, sảnh, cục tham lam lừa dối*”. Và “*Chiếu cho con trưởng Lê Lợi là Tư Tề quyền Nhiếp- Quốc-Chính*”.

Năm Quý Sửu (1433), Nguyễn Trãi thay vua viết “*Chiếu giáng Tư Tề làm Quân Vương, đặt con thứ của Lê Lợi là Nguyên Long nối nghiệp*”; “*Chiếu Hậu-Tự-Huấn để răn bảo Thái Tử*”; “*Chiếu bàn về phép tiền tệ*”...

Năm Ất Mão (1435), Nguyễn Trãi viết cuốn “*Địa Dư Chí*”. Năm Kỷ Mùi (1439), Nguyễn Trãi dâng sớ xin Lê Thái Tông cho về hưu trí tại Côn Sơn (huyện Chi Ngại, tỉnh Hải Dương, Bắc Phần Việt Nam).

Năm Canh Thân (1440), Lê Thái Tông tái triệu dụng Nguyễn Trãi và phong cho ông chức Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Hàn Lâm Thừa Chí Học Sĩ Tam Quán, Hành Khiển Đông Bắc Đạo.

Mùa hạ năm Nhâm Tuất (1442), Nguyễn Trãi về kinh đô Thăng Long làm chánh chủ khảo kỳ thi Hội rồi trở lại Côn Sơn với người ái thiếp của mình là Nguyễn Thị Lộ đang phục dịch trong cung vua.

Đầu thu (tháng 7) năm Nhâm Tuất (1442), Lê Thái Tông ngự giá tuần du phương Đông, duyệt vũ ở Chí Linh. Nguyễn Trãi đón mời xa giá, vua bèn đến chơi núi Côn Sơn, là nơi Nguyễn Trãi đang cư ngụ. Ở đây vua gặp lại Nguyễn Thị Lộ, người đàn bà đầy nhan sắc quyến rũ lẫn văn tài học thuật, mà trước kia Lê Thái Tông đã từng triệu nàng vào cung ban cho chức Lễ Nghi Học Sĩ, ngày đêm hầu cạnh vua.

Nhân cuộc thăm viếng này, Lê Thái Tông lại tỏ ý muốn mang nàng theo về triều. Nàng ngồi cùng xa giá hầu vua. Khi về đến vườn Lệ Chí (vườn cây vả), xã Đại Lại, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh thì vua mắc bệnh sốt. Nguyễn Thị Lộ chăm sóc hầu hạ suốt đêm, rồi vua mất. Các quan theo hầu không muốn tiết lộ tin tức này ra ngoài, họ giữ bí mật lén phụng giá về kinh. Quá nửa đêm nhập cung mới cho phát tang. Triều thần quan lại, hoàng thân quốc thích đều đổ tội cho Nguyễn Thị Lộ giết vua. Họ ra lệnh bắt nàng giết đi.

Sau đó Nguyễn Trãi bị triều đình gán tội thối nhục, âm mưu ám hại vua với bản án tử hình tru di tam tộc. Năm ấy Nguyễn Trãi vừa đúng 63 tuổi.

Vài truyện kỳ có liên quan ít nhiều đến Nguyễn Trãi:

- Cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Ứng Long, thuở trẻ nổi tiếng học giỏi, đậu Thái Học Sinh năm Giáp Dần (1374), được tể tướng Trần Nguyên Đán (đời Trần) gả con gái cho. Hai vua Trần Duệ Tông và Trần Nghệ Tông đều phân biệt đối xử, kỳ thi thứ dân lấy con gái hoàng tộc, nên không cho Nguyễn Ứng Long làm quan trong triều. Ông cam phận trở về quê dạy học. Vào thời Hồ Quý Ly, Nguyễn Ứng Long đổi tên là Nguyễn Phi Khanh, được mời ra làm quan chức Trung Thư Thị Lang kiêm Quốc Tử Giám Tu Soạn. Sau này bị giặc bắt về Tàu và chết luôn bên ấy. Ông rất giỏi về thơ văn, còn lưu lại tập “*Nhị Khê*”.

- Nguyễn Trãi thuở nhỏ sống với ông ngoại Trần Nguyên Đán. Năm Ất Sửu (1385), Trần Nguyên Đán về trí sĩ ở Côn Sơn, mang theo cả Nguyễn Trãi về đây ở. Côn Sơn là hòn núi ở làng Chi Ngại, có chùa Huyền Quang, quê tổ của họ Nguyễn. Năm Canh Ngọ (1390), Trần Nguyên Đán mất, Nguyễn Trãi trở về làng Nhị Khê sống với cha.

- Khi ở với cha, Nguyễn Trãi được gửi đến nhà một thầy đồ thụ giáo. Một hôm tan học, trời mưa như cầm chính đổ nên học trò không về được. Thấy thế thầy đồ bèn ra câu đối để mua thời gian chờ trời tạnh. Câu của thầy đồ **ứng** là: “*Vũ vô thiết toả năng lưu khách*”. Trong các câu **đối** của đám học trò có câu của Nguyễn Trãi là thâm trầm ý nhị xuất sắc nhất: “*Sắc bất ba đào dị nịch nhân*”, nên được thầy đồ khen thưởng, nhưng ông cũng tiên đoán rằng sau này Nguyễn Trãi sẽ bị hại vì nhan sắc đàn bà.

- Trong cuộc khởi nghĩa ở Lam Sơn, Nguyễn Trãi cho quân lính phát quang dựng trại binh. Khi cất trại, lính tráng đã phá vỡ ổ rấn và đập chết hết bầy rấn con; mặc dầu đêm trước rấn mẹ có ứng mộng xin Nguyễn Trãi hoãn việc cất trại để rấn kịp dời chỗ ở. Nên một hôm Nguyễn Trãi chong đèn đọc sách, bỗng có giọt máu từ trên rường nhỏ xuống ngay chữ “**đại**” và thấm qua ba trang sách. Sau này tuy đã về hưu, Nguyễn Trãi bị lãnh án tử hình và tru di tam tộc (tức

giết chết cả **đại-gia-tộc** là những người trong ba họ gồm họ cha, họ mẹ và họ vợ) do vụ hình án “Nguyễn Thị Lộ- Lê Thái Tông”.

- Trong các tác phẩm chữ Nôm của Nguyễn Trãi có bài thơ gheo cô hàng chiếu được truyền tụng rằng, một hôm Nguyễn Trãi đi châu vua về, giữa đường gặp nàng nhan sắc gánh chiếu. Ông bèn ngăn cô lại vừa bõn cợt vừa thử sức học của cô ta bằng bốn câu thơ:

*“Á ở đâu nay bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân-thu chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa được mấy con?”*

Nàng, vừa là mỹ nhân vừa thông minh lại có chân tài đã vui vẻ hòa nhã họa lại bốn câu như sau:

*“Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân-thu tuổi mới trăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, có chi con!”*

Nàng gánh chiếu ở Tây Hồ tên là Nguyễn Thị Lộ, sau này trở thành vợ thiếp của Nguyễn Trãi.

- Nguyễn Thị Lộ giữ chức Lễ Nghi Học Sĩ để dạy cung nữ trong triều, nhưng có điều mâu thuẫn trầm trọng giữa nguyên phi Nguyễn Thị Anh với Nguyễn Trãi. Bởi Nguyễn Thị Anh thấy nàng tiếp dư Ngô Thị Ngọc Dao có thai, sợ hoàng tử đẻ ra sẽ tranh ngôi thái tử, giành ngôi báu của con mình. Nguyễn Thị Anh rắp tâm vu cho Ngô Thị Ngọc Dao có liên hệ với Huệ Phi về việc bùa chú cúng bái và xin vua khép tội voi giầy. Biết được chuyện vu oan giá họa hiểm ác này, Nguyễn Trãi đã bảo cho Nguyễn Thị Lộ biết để khuyên can vua đừng nghe lời xúc siểm độc địa ấy, và tìm cách đưa Ngô Thị Ngọc Dao đi trốn ở chùa Huy Vân. Ở đây tiếp dư Ngọc Dao hạ sinh hoàng tử Tư Thành trong chuồng ngựa, mà Tư Thành sau này là vua Lê Thánh Tông.

- Tại sao về sau này vua Lê Thánh Tông phục chế danh dự, giải oan hình án thí nghịch, sưu tập các tác phẩm văn học cho Nguyễn Trãi? Phải chăng Nguyễn Trãi là đại ân nhân cứu nạn cho mẹ con Ngô Thị Ngọc Dao, rồi bị hàm oan trong vụ hình án mà triều đình nhất tâm gán ghép cho Nguyễn Trãi!!!

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi:

Trong nền văn học nước nhà, Nguyễn Trãi viết nhiều đề tài văn học nổi tiếng bằng chữ Hán lẫn chữ Nôm qua các thể loại khác nhau như: “ký”, “thuyết”, “minh”, “luận”, “truyện”, “biện”, “câu”, “tấu”, “chiếu”, “dụ”, “cáo”, “thi”, “phú”, “hiệu”, “lục”, “chí”...

Tác phẩm chữ Hán cũng như chữ Nôm của Nguyễn Trãi có nhiều, phần thì thất tán sau ngày ông bị giết oan, phần thì còn lại tới ngày nay là nhờ vua Lê Thánh Tông đã hạ chỉ cho các triều thần gồm Trần Khắc Khiêm (có sách viết là Trần Khắc Kiêm) và một số người khác sưu tầm di cảo thơ văn của ông vào năm Quang Thuận thứ 8 (1467). Số thơ văn tìm thấy được, Trần Khắc Khiêm biên tập và đề tựa là “*Ức Trai Thi Tập*” vào năm Canh Tý (1480), rồi sau này bị thất lạc thêm lần nữa. Đến đời Minh Mạng, Tự Đức (nhà Nguyễn), các nhà làm văn học gồm các ông Ngô Thế Vinh, Nguyễn Năng Tĩnh, Dương Bá Cung lại ra công tái sưu tập, ấn bản năm Mậu Thìn (1868) và vẫn giữ nguyên đề tựa là “*Ức Trai Thi Tập*”. Nhờ vậy ngày nay chúng ta mới biết được sự nghiệp văn học vĩ đại của Nguyễn Trãi.

Các tác phẩm bằng chữ Hán:

1 - “*Ức Trai Thi Tập*”, gồm hơn một trăm bài thơ ngũ ngôn hoặc thất ngôn bằng chữ Hán. “*Ức Trai Thi Tập*” gồm ba cuốn do Trần Khắc Khiêm biên soạn và đề tựa. Nguyễn Trãi làm thơ chữ Hán tả ý chí như các bài “*Ký Hữu*”, “*Thư Cúc Pha*”...; hoặc nói lên tâm sự thiết tha đầy cảm xúc, hoặc tô cả bầu trời thơ đượm chất trữ tình; hoặc tả cảnh để hòa mình vào thiên nhiên hầu thăng hoa cuộc sống như các bài “*Mộ Xuân Túc Sự*”, “*Côn Sơn Ca*”, “*Loạn Hậu Đáo Côn Sơn Cảm Tác*”, “*Quan Hải*”, “*Chí Linh Sơn Phú*” ...; hoặc nói

đến di tích lịch sử như các bài “*Bạch Đằng Hải Khẩu*”, “*Hoa Yên Tử*”... Nói chung thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi vừa nói lên lý tưởng hoà bình của mình trước viễn ảnh thời đại, vừa là cõi riêng đượm chất trữ tình để tâm sự với chính mình vậy.

2 – “*Văn Loại*”, gồm có những bài “*Chí Linh Sơn Phú*”, “*Bình Ngô Đại Cáo*”, “*Lam Sơn Vĩnh Lãng Thần Đạo Bi Ký*”, “*Băng Hồ Di Sự Lục*”, “*Truyện Nguyễn Phi Khanh*”, “*Lam Sơn Thực Lục*”... Riêng về cuốn “*Lam Sơn Thực Lục*” được Lê Thái Tổ đề tựa năm Nhâm Tý (1432), là sách ký sử về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, chia thành ba tập (thượng, trung, hạ) gồm:

Tập Thượng, ghi việc tổ phụ bốn đời trước của Lê Lợi đến đất Lam Sơn lập nghiệp cho đến khi Lê Lợi khởi động thành công bước đầu của cuộc khởi nghĩa vây đánh quân Minh ở hạ lưu sông Lam giết tướng tiên phong của giặc là Hoàng Thành, và bắt sống tên giặc giữ chức Đô Ty là Chu Kiệt ở Bồ Ải, đoạn này “*Lam Sơn Thực Lục*” chép: “*thuyền giặc trôi ngang, xác chết lấp sông, khí giới vất đầy cả khe núi*”, rồi sau đó Bình Định Vương Lê Lợi kéo quân xuống vây thành Nghệ An vào đầu năm Ất Ty (1425).

Tập Trung, ký sử giai đoạn nghĩa binh của Lê Lợi đang ở vào thế chủ động chiến trường từ Nam ra Bắc, tức là sau khi vây chặt thành Nghệ An năm Ất Ty (1425), cho đến khi tên giặc Tàu Chinh-di-tướng-quân Vương Thông cỡi giáp hạ giáo qui hàng Bình Định Vương Lê Lợi tại thành Thăng Long vào ngày 16 tháng chạp năm Đinh Mùi (1427).

Tập Hạ, ghi việc Bình Định Vương Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, phong chức và ban thưởng cho tướng sĩ. Bài “*Bình Ngô Đại Cáo*” cũng được Nguyễn Trãi ghi lại trong Tập Hạ này.

Phần “*văn loại*” của Nguyễn Trãi là một kho tàng chữ nghĩa hàm chứa nhiều áng văn kiệt xuất khó bề so sánh, và cũng khó ai theo kịp.

3 - “*Quân Trung Từ Mệnh Tập*”, là tập thư từ mệnh lệnh ở trong quân, gồm các thư từ mà Nguyễn Trãi chiếu lệnh Lê Lợi, viết gửi cho quan tướng nhà Minh như Mã Kỳ, Phương Chính, Sơn Thọ, Thái Phúc, Vương Thông trong suốt cuộc

chiến chống quân xâm lăng; gửi cho bọn gian thần hàng giặc như đám Lương Như Hốt, Trần Phong...hoặc thư dụ hàng gửi cho các tướng giặc giữ thành Điều Diêu, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An..., hoặc các tờ biểu cầu phong (cho Trần Cảo...), văn tấu, lệnh dụ hay chiếu cổ lệ tướng hiệu binh lính nỗ lực giết giặc lập công. Tập này có trên dưới 70 bài văn, một số bài đã bị thất lạc. Tuy nhiên phần còn lại với nội dung phản ảnh được tình huống quân sự, chính trị, ngoại giao của ta và địch trong suốt cuộc kháng chiến; thể hiện được những nét đặc thù trong sách lược và chiến lược về cuộc khởi nghĩa của toàn dân chống ngoại xâm.

Theo sát từng bức thư gửi cho giặc, ta mới thấy rõ hiệu lực của ngòi bút thần kỳ qua văn phong bút pháp của Nguyễn Trãi, cương nhu phải phép, châm biếm khích động đúng thì, từ tốn áp đảo tùy lúc. Nhiều cuộc bút chiến giữa ta và địch rất ly kỳ mà Nguyễn Trãi luôn luôn chủ động trong mọi tình huống.

“*Quân Trung Từ Mệnh Tập*” biểu hiện được chiến lược toàn trình chống giặc ngoại xâm, cũng là chiến thuật cho mỗi giai đoạn kháng giặc. “*Quân Trung Từ Mệnh Tập*” là một tài liệu thực chứng về đường lối đấu tranh kết hợp đa phương, đa diện giữa các hình thái chiến tranh quân sự và chính trị, giữa quân sự và tâm lý, giữa tâm lý và chính trị...

“*Quân Trung Từ Mệnh Tập*” phần lớn là **văn chính luận**, thể loại chính luận này thường được các nhà quân mưu Đại Việt sử dụng như một thứ vũ khí chiến thắng giặc như “*Văn Lộ Bố*” của Lý Thường Kiệt, “*Hịch Tướng Sĩ*” của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn; hoặc thuộc loại **chiếu dụ** như “*Chiếu Dời Đô*” của Lý Thái Tổ; hoặc bằng lối **sớ tấu** như “*Thất Trảm Sớ*” của Chu Văn An. Như đã diễn dịch ở phần trên, văn chính luận trong “*Quân Trung Từ Mệnh Tập*” của Nguyễn Trãi bao hàm nhiều thể loại khác nhau mang giá trị cao, với một trình độ siêu quần, đã trở thành một tác phẩm văn học kiệt xuất tiêu biểu cho ý chí và trí tuệ của quốc dân trong công cuộc trừ gian diệt bạo, đoàn kết dưới ngọn cờ chính nghĩa đánh thắng giặc Minh xâm lược.

4 – “Địa-Dư Chí”, là cuốn sách biên khảo về địa dư cổ nhất nước ta, viết vào năm Ất Mão (1435), Nguyễn Trãi viết xong dâng lên Lê Thái Tổ ngự-lãm duyệt-bình, sau đó vua sai ba văn thần gồm Nguyễn Thiên Túng làm *“lời tập-chú”*, tức góp ý thêm ; Nguyễn Thiên Tích làm *“lời cẩn-án”*, tức duyệt xét cẩn thận và Lý Tử Tấn làm *“lời thông-luận”*, tức lời bàn chung.

Cuốn này thoát tiên lược khảo địa-lý-chính-trị (geopolitics) các triều đại, đời vua trước đời Lê Thái Tổ, rồi chép đến phần địa lý thời Lê-sơ (nhà Hậu Lê buổi ban đầu) kê rõ các Đạo (bây giờ là Tỉnh, như tỉnh Thanh Hóa) trong nước, tiếp theo mỗi Đạo là phần trình bày về tên nước qua mỗi thời kỳ đảo hoán chính trị, gắn liền với thực trạng địa thế, sông núi, đường sá xa gần, sản vật, các nghề nghiệp từng vùng, rồi liệt kê số khu vực hành chính như các phủ, huyện, châu và số xã liên hệ qua các thời đại.

Các tác phẩm bằng chữ Nôm:

Theo bài tựa cuốn *“Úc Trai Thi Tập”* bằng chữ Hán của Nguyễn Khắc Khiêm viết năm Canh Tý (1480), ông có nhắc đến tập *“Quốc Âm Thi Tập”* tức là tập thơ viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi đã bị thất lạc sau ngày ông bị giết.

Nhưng mãi về sau này, nhờ công trình sưu tập của những nhà làm văn hóa, văn học Đại Việt, họ đã tìm thấy được tất cả 254 bài thơ Nôm của Nguyễn Trãi. Số lượng thơ Nôm này chỉ riêng một mình ông cũng đủ để nói lên một công trình vĩ đại chưa từng có trong lịch sử thơ Nôm của nước nhà từ trước tới nay, và cũng để minh chứng bước tiến vững chãi về văn học viết chữ Nôm vào đầu thế kỷ XV.

Vào thời kỳ này không những chỉ Nguyễn Trãi đặt bút làm thơ Nôm, mà còn có nhiều nhà làm văn học khác cũng đã làm thơ Nôm nữa. Nhất là nhóm văn thần cùng với vua Lê Thánh Tông đã xướng họa, hoặc sáng tác cá thể những bài thơ Nôm mà nay những nhà sưu tầm đã tập hợp được 328 bài thành tập thơ đầy giá trị trong cuốn *“Hồng Đức Quốc*

Âm Thi Tập”. Ngoài ra người ta còn tìm thấy nhiều bài thơ Nôm của một số tác giả khác sáng tác trước hoặc vào thời kỳ này, tuy không đóng thành tập, nhưng đã lưu truyền trong nhân gian không phải là ít. Ví như hai câu thơ Nôm tương truyền là của bà Ngọc Dao, mẹ vua Lê Thánh Tông làm ra để khẩn với trời đất cho thai nhi khi sinh ra được vẹn toàn:

“*Phải là con mẹ con cha
Thì sinh ở đất Duyên hà Thần khê*”.

Hoặc với hai câu thơ Nôm châm biếm vua Lê Thánh Tông có quá nhiều gái hầu (theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép:

”*nữ yết thái thạm*”):

“*Quân vương nếu muốn khuây buồn nản
Hãy gọi Kim Hoa học sĩ vào*”.

Thơ Nôm đời Hậu Lê có số lượng và phẩm vượt trội hơn đời Lý, Trần rất xa. Phần khác trong cuốn “*Thiên Nam Dư Hạ Tập*” có bài “*Thập Giới Cô Hồn Quốc Ngữ Văn*” của Lê Thánh Tông; hoặc truyện thơ như “*Kim Lăng Ký*”, “*Phan Trần*” của Đỗ Cận đều viết bằng chữ Nôm...

Phần lớn thơ Nôm Nguyễn Trãi viết vào lúc ông về trí sĩ tại Côn Sơn, được tập hợp trong “*Quốc Âm Thi Tập*” mà ngày nay các nhà làm văn học chia ra bốn thể loại hay còn gọi là “*Môn*” như sau: “*Vô Đề Môn*”, “*Hoa Mộc Môn*”, “*Cầm Thú Môn*”, “*Thời Lệnh Môn*”. Mỗi thể loại bao hàm nhiều tiết mục (còn gọi là đề mục), trong đó hoặc chỉ có một bài thơ hay nhiều bài thơ viết một mạch theo nguồn cảm hứng lai láng của thi nhân, như các tiết mục “*Mạn Thuật*” có 14 bài, tiết mục “*Tự Thán*” có 41 bài, tiết mục “*Bảo Kính Cảnh Giới*” có 61 bài...

Thơ Nôm Nguyễn Trãi viết lúc từ quan hưu trí, đây là thời gian cuối cuộc đời ông. Do đó, tâm hồn nhà đại thi hào đã lắng xuống, mỗi suy tư quay về dĩ vãng, trên bước đường hoạn lộ đã qua, ông nhận thức chín muồi cảnh thăng trầm vinh nhục trong cuộc sống trần ai đầy bi lụy. Ông ôn lại cuộc sống trong chiến đấu chống ngoại xâm, hay toàn trình

thời gian xây dựng đời sống quốc dân trong gian nguy thử thách, trong an bình thịnh vượng, hoặc cho cuộc sống chính cõi riêng mình!

Khi về hưu trí tại Côn Sơn Nguyễn Trãi đã phát hiện được những điều trái tai gai mắt, mà trước kia ông đặt chúng lên ngôi vị lý tưởng, thần tượng, nhưng nay tất cả đều bị đập đổ một cách không thương tiếc, trệch hướng ra ngoài cách suy tư của ông. Và cũng vì lý do đó mà lời thơ, ý thơ của ông vào lúc tuổi hạc chỉ còn là những hơi tàn u uất, lời than vãn cuờ mang xót xa miên viễn, hay lời trần tình bi thương đầy thống khổ của một nhà thơ bất đắc chí, của một tấm lòng thiết tha vì dân, vì nước trước thế sự thăng trầm, càng làm cho tâm hồn ông bị tổn thương trầm trọng hơn. Thơ Nôm cuối đời Nguyễn Trãi phần lớn nhuộm màu bi lụy như thế đó!!!

Thật vậy, Nguyễn Trãi quan niệm rằng, làm văn học là xây dựng đời sống quốc dân có tu dưỡng, có phẩm chất về mặt tinh thần, có hàm lượng thiết thực trong cuộc sống thường hằng: cơm no, áo ấm, hạnh phúc. Cho nên đối với Nguyễn Trãi, ông hằng nặng lòng phục vụ văn học để xây dựng đúng nghĩa nhân sinh hơn là tiêu dao, siêu thái, nhàn hạ như một số đông đồng liêu vào thời bấy giờ. Suốt đời ông ôm ấp mối lo cho thiên hạ trước, và chỉ tiếp nhận niềm vui sau mọi người. Triết lý nhân sinh của thức giả là trí tri trong ý thức trách nhiệm, mà đại biểu của nhân vật thức giả ở đây chính là nhà đại văn hào Nguyễn Trãi vậy. Nguyễn Trãi đã trần tình quan niệm đó trong bài thơ Nôm số 5 trong “Bảo

Kính Cảnh Giới” như sau:

“Văn chương chép lấy đời câu thánh,

Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung.

Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,

Có nhân, có trí, có anh hùng”.

Thơ Nôm của Nguyễn Trãi rất phong phú về cả hai phương diện lượng và phẩm, chúng tôi ghi vài câu để cống

hiển độc giả thưởng ngoạn:

*Khách lạ đến ngàn, hoa chữa rụng,
Câu thần ngâm dạ, nguyệt càng cao”.*

(Thuật Hứng số 7)

*“Quốc phú, binh cường, chẳng có chước
Bằng tôi nào thừa ích chung dân...*

.....
Ước bề báo ơn minh chúa

Hết khoẻ phù đạo thánh nhân” ...

(Trần Tình số1)

“Con mắt hoà xanh, đầu dẽ bạc,

Lưng khôn uốn, lộc nên từ.

Ai ai đều đã bằng câu hết,

Nước chẳng còn có Sử Ngư”.

(Mạn Thuật số14)

“Hai chữ công danh chẳng cảm cộc,

Một trường ân oán những hằm hè”.

(Trần tình số8)

“Cơm ăn chẳng quản dưa muối,

Áo mặc nài chi gấm thêu”.

(Thuật Hứng số 22)

Đọc mấy câu thơ trên, chúng ta nhận thức được rằng Nguyễn Trãi là một nghệ sĩ có chân tài, ra làm quan không vì cơm áo, chẳng màng công danh phú quý, nhưng trước để trừ gian diệt bạo, sau là đề cao lý tưởng thân dân, huệ dân. Nhưng khi vào việc, đối mặt với nghịch cảnh, ông quán chiếu và tự mình rút ra một bài học chân xác về cái công danh là cái phiền lụy trên con đường hoạn lộ của mình. Rồi có lúc nực cười thế sự, ông đặt bút viết bài thơ Nôm đầy ý vị:

“Tiếc thiếu niên qua lật hạn lành,

Hoa hoa nguyệt nguyệt luống vô tình

*Biên xanh nữ phụ cười đầu bạc,
Đầu bạc xưa này có thuở xanh”.*

(Tích Cảnh số 4)

Hoặc có khi ông tự nâng mình lên thật cao, thăng hoa hòa nhập cùng thiên nhiên vô tận, mở rộng tâm hồn hòa phối với mọi vẻ đẹp của trời đất trong mấy vần thơ Nôm giản dị, nhưng chất ngất cả một tâm hồn phóng khoáng:

*“Bỏ một cái trúc hòng phân suối,
Quét con am để chứa mây.
Trì tham nguyệt hiện, chẳng buông cá,
Rừng tiếc chim về, ngại phát cây”.*

(Mạn Thuật số 6)

Hoặc

*“Cây rợp, tán che am mát,
Hồ thanh, nguyệt hiện bóng tròn.
Cò nằm, hạc lặn nên bầu bạn,
Ủ ấp cùng ta làm cái con”.*

(Ngôn Chí số 20)

Thật vậy, khi đọc thơ Nôm Nguyễn Trãi nhiều lúc tìm thấy một tâm hồn trẻ trung đầy sức sống trong cái thể xác già nua, tóc bạc nhưng mắt vẫn còn thần lực, sáng suốt nhìn thấu được nỗi khó khăn của dân tộc, niềm thống khổ của quốc dân, khiến lòng xôn xao thổn thức:

*“Tuổi cao, tóc bạc, cái râu bạc,
Nhà ngật , đèn xanh, con mắt xanh”.*

(Tự Thán số 29)

Với thơ Nôm Nguyễn Trãi không bao giờ quên miêu tả phong vị, tình tự quê hương một cách đậm đà chất chứa hồn quê lai láng qua từng tác đất, cái rau, ngọn cỏ trong mảnh vườn nhà, bên ngôi miếu cổ... Những câu biểu thể của nhiều thể loại, qua nhiều tiết mục khác nhau trong “Quốc Âm Thi Tập” như “Ngôn Chí”, “Mạn Thuật”, “Trần Tình” hay “Thuật

Hưng”... đều mang màu sắc, hương vị quê hương đã thấm thấu sâu sắc ngàn đời vào lòng đất mẹ, vào cuộc sống thường hằng của người Việt bình dân trên mảnh đất đôn sơ, nhưng đã từng nuôi sống cả một dân tộc qua bao thời kỳ chiến tranh hay trong an lạc thái bình:

“Tả lòng thanh, mùi núc nác

Vun đất ải, rảnh mỏng tươi”...

“Ngày tháng kê khoai những sản hằng,

Tường đào ngô mận ngại thung thặng”...

“Ao quan thả gửi bè rau muống,

Đất bụi ươm nhờ một rảnh mừng”...

“Ruộng đôi ba khóm đất con ong,

Đày tớ hay cày kéo muôn mòng”...

Ngoài những tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi nêu trên, các nhà sưu tập còn phát hiện được tập *“Gia Huấn Ca”* (tức bài hát dạy người trong nhà rất hữu ích cho mọi gia đình Việt Nam). Tập này có sáu bài ca gồm: 1) Dạy vợ con. 2) Dạy con ở cho có đức. 3) Dạy con gái. 4) Vợ khuyên chồng. 5) Dạy học trò ở cho có đạo. 6) Khuyên học trò phải chăm học...

Các bài ca viết theo thể lục bát, đôi lúc ông đặt xen kẽ vào đó những câu bảy chữ. Nguyễn Trãi tập chú các điều cốt yếu trong luân thường đạo lý, đem diễn thành lời Nôm cho phụ nữ, trẻ nhỏ dễ đọc và dễ hấp thụ mà gìn giữ đạo lý của gia tộc nói chung, của gia đình nói riêng. Về lời văn của *“Gia Huấn Ca”* thì rất bình thường và giản dị, lưu loát êm ái. Tập *“Gia Huấn Ca”* được Nguyễn Trãi soạn ra vào đầu thế kỷ XV, câu cú so với bây giờ không mấy khác biệt, duy thỉnh thoảng có vài chữ không còn thông dụng trong hiện tại.

Kết luận: Nguyễn Trãi không những là bậc khai quốc công thần đời Lê-sơ, ông đã phò tá Bình Định Vương Lê Lợi đánh tan quân xâm lược nhà Minh; giúp đỡ Lê Thái Tổ khôi phục lại nền độc lập tự chủ cho nước Đại Việt. Ngoài ra về văn tài ông rất giỏi giang, là bậc văn hào tuần kiệt đã đem

tài học mà trứ thuật ra những tác phẩm rất có giá trị. Thơ văn của ông là tấm kính hội tụ những ánh hào quang của quá khứ, là tấm gương phản chiếu hào quang văn học rực rỡ nhất của thế kỷ XV. Với tư cách của một trí thức uyên bác, Nguyễn Trãi đã sử dụng văn học như một lợi khí vừa chống giặc ngoại xâm, vừa xây dựng cơ đồ nhà Nam từ trong tâm thức đến hành động. Nguyễn Trãi thật là một nhà quân mưu lỗi lạc, nhà văn hóa chân chính, nhà văn học thiên tài của nước Việt. Kho tàng thơ văn của ông miên viễn là di sản quý báu của dân tộc ta vậy./.

Lê Hữu Cường - K16

California, Xuân Giáp Thân (2004).



Đền thờ Cụ Nguyễn Trãi tại Hải Dương

Năm Thân kể truyện khỉ

Thu Nga - 18B



Chả hiểu con khỉ đã có trên mặt đất từ lúc nào nhưng có nhiều truyền thuyết, sách vở nói khỉ là thủy tổ của loài người. Không biết điều này có đúng không, tuy nhiên vì con người khi còn ăn lông ở lỗ thì hình dạng rất giống khỉ: râu tóc xôm xoàm, mắt to, mũi tẹt và rộng, môi mỏng, răng to, hai tay dài, máu khỉ và máu người rất giống nhau, chỉ khác tiếng nói, vì chắc lúc ấy tiếng nói cũng chỉ là những tiếng hú mà thôi?!

Khỉ là giống vật có hai tay, 2 chân, nhiều loại có đuôi dài, có loại đuôi ngắn, có loại không đuôi, nhưng giống nào cũng lanh lẹ, chuyền cây rất nhanh. Ngoài vóc dáng rất giống người, khỉ còn là một giống vật rất thông minh cũng không thua gì người vì thế phim ảnh, sách vở xưa và nay đã có rất nhiều chuyện khỉ.

Chuyện khỉ mà ai cũng thích chắc phải kể đến chuyện khỉ Tôn Ngộ Không, Tề Thiên Đại Thánh. Tôn Ngộ Không nguyên thủy là do một cục đá to, được hấp thụ tinh khí, âm dương trời đất rồi nứt ra thành con khỉ. Con khỉ này tinh thông võ nghệ, tính

tình lấu cá, hiểu thẳng. Khi nó được đá nứt ra, hào quang chiếu sáng cả một vùng đến độ Ngọc Hoàng Thượng Đế phải sai Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhĩ ra cửa trời xem thử. Khi biết ra hào quang được chiếu ra từ một con khỉ ngài nghĩ không có chuyện gì phải bận tâm.

Thế nhưng con khỉ tinh khôn này đã cấu kết với đám khỉ nhỏ phá phách quá cỡ, sau nó tìm được một động đá rất đẹp gọi là Thủy Liêm Động liền tới đó đóng đô rồi đám khỉ nhỏ tôn con khỉ đá là vua của loài khỉ gọi là Hầu vương. Ăn chơi sung sướng một thời gian, hầu vương muốn đi tìm thuốc trường sanh bất tử để hấn có thể sống đời hưởng sự sung sướng. Hầu Vương gặp Tổ Sư tu luyện trong núi, Tổ Sư đặt tên cho Hầu vương là Tôn Ngộ Không và dạy võ nghệ và luyện môn trường sanh bất tử, võ nghệ cao cường tới 72 phép thần thông.

Tôn Ngộ Không cậy mình có tài phép xuất phàm, đại náo thiên cung, thủy cung... Tới đâu ai cũng kinh hồn khiếp vía. Ngọc Hoàng Thượng Đế vội cho mời Tôn Ngộ Không đến phong cho chức Bậc Mã Ôn (giữ ngựa), Ngộ Không chê chức nhỏ, làm loạn nữa, hấn đánh nhau với các tướng của trời như Lý Thiên Vương, Na Tra, Thái Bạch Kim Tinh... Ngọc Hoàng đành phải phong cho hấn chức Tề Thiên Đại Thánh. Nhưng con khỉ Tề Thiên vẫn chững nào tậ nấy, tính tình phá phách không bao giờ thay đổi, hấn đã giả dạng Xích Cước đại tiên đi phớ hội Bàn Đào với Ngọc Hoàng rồi nhân cơ hội ăn cắp thuốc tiên của Thái Thượng Lão Quân, sau nghĩ tội lỗi có thể bị phát giác, liền chạy về Thủy Liêm Động. Ngọc Hoàng giận dữ cho các tướng nhà trời đi đánh Tề Thiên nhưng Tề Thiên hóa ba đầu, sáu tay đánh các tướng trời bị thua xiển liếng. Ngọc Hoàng sai 2 vị tiên thánh đặng vân, giá võ đi cầu cứu Đức Phật Thích Ca. Gặp Đức Phật, Tề Thiên phùng mang trợn mắt, khoa thước bẻng nói với Phật là hấn chỉ muốn Ngọc Hoàng nhường ngôi. Đức Phật chấp Tề Thiên nếu nhảy qua được bàn tay của ngài, thì ngài sẽ nói Ngọc Hoàng nhường ngôi cho. Phật xòe bàn tay ra, Tề

Thiên cười khi dễ dùng phép đằng vân bay qua, hấn thấy có năm cây cột màu đỏ như thịt, trên đầu lại có mây xanh, hấn tưởng hấn đã nhảy quá xa, sợ Phật Tổ không tin, hấn nhỏ lông hóa mực, viết lên cây cột giữa tám chữ “Tề Thiên Đại Thánh đáo thử nhứt dụ”, xong hấn lại còn tề vào cái cột thứ nhất rồi mới bay về gặp Phật. Hấn tưởng chuyển nầy ngôi trời sẽ lấy được, nhưng Phật đã xòe bàn tay của ngài ra cho hấn thấy những chữ hấn viết trên ngón tay giữa của ngài và dấu vết hấn ở ngón thứ nhất vẫn còn đó. Tề Thiên không tin, bay trở lại xem thử, Đức Phật lật úp bàn tay lại, bàn tay trở thành năm ngọn núi, đờ Tề Thiên xuống đó, chỉ còn cái đầu đưa ra ngoài mà thôi. Khi Phật Bà thấy Tôn Ngộ Không, Phật Bà nói cho hấn biết hấn có căn tu, cứ chờ, thế nào cũng có sư phụ tới cứu. Quả thật, khi Đường Huyền Tăng Tam Tạng đi Tây Trúc thỉnh kinh, thấy Ngộ Không kêu cứu, Tam Tạng bèn gỡ lá bùa dán ở đỉnh Ngũ hành sơn, Ngộ Không thoát nạn, được Tam Tạng đặt tên Tôn Hành Giả và đi theo phò Tây Tạng..

Tôn Hành Giả quả thật có căn tu, tuy là con khỉ hóa người, trước hay làm điều sằng bậy, nhưng sau giác ngộ đã cứu thầy Tam Tạng nhiều phen khỏi bàn tay yêu tinh, quỷ dữ. Trong ba môn đệ đi theo Tam Tạng thỉnh kinh (Tôn Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng), có Bát Giới là tên đệ tử hay làm ỗỗchuyện con khỉõõ nhất, hễ thấy con gái là Bát Giới híp mắt, không cần điều tra lý lịch, nên toàn là bị yêu tinh gạt gẫm, nếu không có Tề Thiên Đại Thánh pháp thuật thuộc loại ỗỗsiêuỗỗ thì không biết Tam Tạng còn có cơ hội đến Tây Trúc để thỉnh kinh hay không. Việc thỉnh kinh hoàn thành, cả ba thầy trò đều được giác ngộ, Phật Tổ Như Lai phong Tây Tạng là Chiến Đàng Công Đức Phật, Tôn Ngộ Không là Đấu Chiến Thắng Phật, Trư Bát Giới là Tịnh Đàng Sứ Giả, Sa Tăng là Kim Hân La Hán.

Trong truyện cổ nước Việt có câu chuyện về loài khỉ chai dít như sau: ngày xưa tại một nơi sơn dã, có gia đình ông bà bá hộ họ Viên. Hai vợ chồng giàu có nhưng tính tình ti tiện, tham

lam. Trong nhà ông bà phú hộ có thuê rất nhiều người ăn, người làm, nhưng họ không được ăn uống đầy đủ. Nếu lỡ có người ăn mày, ăn xin nào đến nhà, cũng bị xua đuổi tàn tệ.

Trong số những người đầy tớ của ông bà bá hộ, có một cô gái đen đuổi, xấu xí, cô họ Vương. Cô họ Vương này thấy những người ăn mày bị chủ xua đuổi tàn nhẫn, cô lấy làm thương hại, lén lút nhường cơm, xẻ áo cho họ. Một ngày, cô lấy gạo giúp một ông lão ăn mày, sự giúp đỡ của cô bị bà bá Hộ biết được, bà đã đánh đập cô họ Vương một cách rất tàn nhẫn.

Cô họ Vương buồn tủi, ra ngồi ở đầu làng ôm mặt khóc. Ông lão ăn mày hiện ra an ủi nàng Vương và cho nàng một lọ nước, ông dặn nàng về nấu sôi, tắm thì sẽ có sự lạ hiện ra. Nàng Vương y lời dặn, nấu nước sôi tắm thì cô biến thành một cô gái đẹp tuyệt trần. Gia đình ông bá hộ ngạc nhiên theo hỏi, nàng Vương thật tình kể rõ mọi chuyện. Cả nhà ông bá hộ mới đặt bàn thờ, bày cỗ để mong lão ăn mày đến. Ông ăn mày đến thật, ông trao cho ông bá hộ lọ nước và cũng căn dặn như ông đã căn dặn nàng Vương.

Cả nhà bá hộ hí hửng làm theo, kỳ lạ thay, sau khi tắm, họ bị ngứa, gãi sồn sột, gãi hoài thì lông lá mọc dài ra. Cả nhà mắc cỡ bỏ chạy vô rừng, càng chạy, lông càng dài, và đuôi cũng hiện ra, thành loài khỉ. Cả bọn nhìn cái đuôi xấu xí lại càng xấu hổ hơn, bèn hè nhau mài đít trên đá, hy vọng đuôi sẽ rụng đi. Mài mãi, đít thì chai đi mà đuôi thì vẫn còn y nguyên và cả bọn thành khỉ chai đít.

Họ hàng, bà con của khỉ là vượn. Giống vượn khôn ngoan, có tình nghĩa không khác gì người. Trong cổ học tinh hoa của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc có câu chuyện Tình mẹ con con vượn. Ở đất Vũ Bình, có giống vượn đỏ như vang, nõn như tơ, trông xa lấp lánh rất là đẹp. Có hai mẹ con con vượn, mẹ thì khôn ngoan, tai quái, con thì ngây ngô, nhẹ dạ nhưng lúc nào cũng đi liền bên vượn mẹ. Người đi săn không thể nào nhử mồi, đánh bẫy được, mới lấy thuốc độc xát vào đầu mũi tên, rình lúc vượn mẹ vô ý thì bắn. Vượn mẹ biết

mình không thể sống được, vắt sữa ra cho con uống, xong rồi lăn ra chết. Người đi săn quay về phía vượn con, cầm roi quật vào cái xác vượn mẹ. Vượn con thấy, kêu gào thảm thiết, chạy ngay lại gần, người đi săn bắt được. Lúc về nhà, cứ đêm đêm, vượn con nằm phục bên xác mẹ, thì mới yên; một đôi khi lại ôm lấy khóc than, vật vủ rất thảm thiết. Không được mấy hôm, vượn con cũng chết.

Một giống có bà con dì gia với khỉ nữa là giống đười ươi. Cũng trong cổ học tinh hoa, có câu truyện về giống đười ươi như sau: Ở núi Phong Khê, đất Thục, có giống đười ươi, mặt như mặt người, biết cười, biết nói. Máu nó dùng để nhuộm màu, không bao giờ bị phai, nên người ta hay lừa bắt nó để chế tạo thuốc nhuộm.

Tính đười ươi thích uống rượu, thích đi guốc. Người ta biết thế, đem rượu và guốc ra bày la liệt ở quãng đồng không, rồi đi nấp một chỗ. Đười ươi ngửi được hơi rượu, kéo nhau ra thấy rượu, thấy guốc, biết người ta nhử mình, bèn chửi rủa người đã lập mưu đánh bẫy mình, nói rồi chúng kéo nhau đi. Tuy nhiên đi mà vẫn ngoảnh lại, rồi lại tiếc của đời bảo nhau: ~Ta thử nếm xem chắc không hại chi đâu. Thế rồi chúng quay trở lại, tay chấm miệng mút, mút hoài, mút mãi đâm ra say sưa mờ mịt, quên cả sự khôn ngoan và sự giữ gìn, chúng chệnh choáng, nghiêng ngã, nói nói, cười cười, chân xỏ vào guốc...Bấy giờ người nấp gần đó thấy đười ươi đã lão đảo, con nọ xiêu qua, con kia ngã lại, bèn bắt không sót một mống.

Chuyện này có ý chê cười những kẻ biết mình bị lừa, mà vẫn cứ mắc vì không chừa bỏ được tính tham lam.

Một truyện khỉ trong truyền thuyết của Việt Nam là chuyện của Trạng Mạc Đĩnh Chi. Theo sách Nam Hải Dị Nhân, họ Mạc có tướng khỉ (hầu tướng), dung mạo lại xấu xí. Tương truyền bà mẹ của Mạc Đĩnh Chi góa chồng, đi kiếm củi ở rừng thì bị một con khỉ đột hiếp, mới sanh ra Mạc Đĩnh Chi, hình dung xấu xí nhưng thông minh xuất chúng, văn võ song toàn. Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên, vào bộ

kiến vua, nhưng vì tướng ông xấu xí nên không được nhà vua trọng dụng. Khi triều đình bị Tàu ức hiếp, bắt bí, mới vời Mạc Đĩnh Chi đi sứ vì biết ông có đủ tài ứng đối. Ông đã làm cho triều đình Tàu nể phục với trí óc thông minh phi thường của ông. Ông đã được phong là Lương quốc trạng nguyên. Bài điếu văn công chúa Tàu của Mạc Đĩnh Chi với 4 chữ nhất, không có người nào có thể giải đoán được, trừ ông, như sau:

Vu sơn nhất đóa vân

Hồng lô nhất điểm tuyết

Thượng uyển nhất chi hoa

Quảng hàn nhất phiến nguyệt

Vân tán, tuyết tiêu

Hoa tàn, nguyệt khuyết.

Trong chuyện Vương Chiêu Quân cống Hồ của Tàu, Chiêu Quân là ái phi của nhà vua, phải bị cống Hồ. Tô Võ là quan đại thần nhà Hán, phải đi sứ sang Hồ để thương thuyết, để xin cho quý phi được miễn bị cống. Việc không thành, Tô Võ bị bắt giữ làm con tin tại Hồ và bị đày lên núi chắn dê. Tô Võ là quan Văn, tướng mạo thô sinh ỏ trói gà không chặt tồ mà bị đày đọa như vậy, nên một ngày chắn dê trong tuyết, Tô Võ ngã ra bất tỉnh. Có một con đười ươi đi qua, nó ấm Tô Võ về, áp ủ thật ấm cho tỉnh lại, rồi cho Tô Võ ăn uống. Tô Võ lần lần hồi phục lại và từ đó ở luôn trong động với con đười ươi.

Ngày ngày con dã nhân bắt lũ đười ươi con chăm sóc đàn dê rất chu đáo, cho dê ăn béo tốt để Tô Võ khỏi bị quỷ phạt. Tô Võ cảm động trước ân tình của con đười ươi nên đã cùng nó kết hợp lương duyên. Kết quả là người và đười ươi có hai đứa con với nhau. Sau đó, Tô Võ được vua ban ơn cho về nước. Buổi biệt ly diễn ra trong nước mắt với người vợ dã nhân.

Cũng theo sử Trung Hoa, Từ Hi Thái Hậu, trong những

buổi đại yến để đãi người ngoại quốc, Từ Hi Thái Hậu muốn tỏ vẻ sang trọng để dẫn mặt (hay làm khiếp vía thượng khách), ngoài món bát trân thông thường của người Tàu như: thai con báo, đuôi cá gáy, môi đười ươi, bàn tay gấu, chả chim cú, nhượng con heo, Từ Hi còn ra lệnh cho đầu bếp làm thêm những món đặc biệt khác như: chuột bạch con chấm mật (ăn sống) và ốc khỉ!

Món ốc khỉ được mô tả như sau: quan khách mỗi người được dọn cho một con khỉ loại nhỏ, khỉ được đặt trong giỏ, chỉ chứa chớ cái đầu. Đỉnh đầu con khỉ tội nghiệp đã được cạo đầu. Người hầu bàn dùng dao bén vạt phẳng chóp đầu con khỉ như người ta vạt dừa để uống nước. Con khỉ đau đớn kêu chí chóe. Quý khách chỉ việc dùng muỗng múc ốc khỉ ra ăn một cáchđã man!

Khỉ cũng đã được nhắc nhở mỗi lần xuân đến trong câu sấm Trạng Trình:

Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh

Can qua xứ xứ khởi đao binh

Mã đề, dương cước anh hùng tận

Thân dậu niên lai kiến thái bình.

Câu sấm này chúng ta nghe rất nhiều lần, bàn cũng nhiều lần mà sự huyền bí vẫn còn đầy chưa được giải tỏa. Cách đây khá lâu Long vĩ (đuôi con rồng) cuối năm Thìn (1964), xà đầu (đầu con rắn), tức là đầu năm Tị (1965), khởi chiến tranh. Lúc đó, chiến tranh đã khởi đầu rất lâu rồi, nhưng khoảng năm đó là năm sôi động nhất, thì coi như đứng đi. Đến mã đề (móng con ngựa) tức cuối năm Ngọ (1966), qua đến dương cước (chân con dê) là cuối năm Mùi (1967) anh hùng bị chết hết. Năm Thân, Dậu (1968, 1969), thiên hạ được thái bình. Nhưng người ta chờ hoài chẳng thấy thái bình đâu cả mà năm 1968, xảy ra Tết Mậu Thân bị Cộng Sản tấn công với pháo kích, thảm sát, chôn sống hàng ngàn người ở Huế!

Chu kỳ kế tiếp là năm khỉ Canh Thân (1980), nước đã mất, nhà đã tan, người người ly tán, sống lưu vong, cũng vẫn chưa thấy thái bình. Từ năm mậu thân (1968) đến năm 2004 là đã qua 36 năm. Liệu sấm đã ứng chưa?

Nhìn vào thực trạng đất nước Việt Nam hiện nay, đàn áp khắp nơi, tự do bị tước đoạt. Quốc tế đã thấu hiểu bộ mặt thật của CSVN, phong trào đòi hỏi nhân quyền đã dấy lên từ trong guồng máy cán bộ của chúng, đã dấy lên từ lòng dân trong nước, đã bị Quốc Hội Hoa Kỳ -siêu cường quốc mà CS vừa ghét vừa ưa, ghét vì họ cho là Hoa Kỳ ưa dòm ngó vào nội bộ thối nát của chúng, nhưng ưa vì mùi đô la thì lại làm chúng say sưa ngây ngất - chất vấn, cũng như các nước tự do khác trên thế giới vạch mặt, chỉ tên là bọn ác ôn không tôn trọng nhân quyền.

Bộ mặt của CSVN là bộ mặt của những con dã nhân, vượn, khỉ đã đội lốt người với công tác làm cho nước Việt Nam trở thành những nước nghèo đói nhất trên thế giới. Đã đến lúc loài vật hoang dã này phải được tận diệt, hoặc bị đuổi về rừng là nơi chôn nhau cắt rốn của bầy dã nhân.

Trước thềm năm mới, nguyện cầu hồn thiêng sông núi độ trì cho câu sấm Trạng Trình ứng với thời cuộc. Năm Thân này sẽ là Thân Dậu niên lai kiến thái bình để người Việt lưu vong được hồi hương dưới ngọn cờ vàng ba sọc đỏ, một chiến dịch đang như vết dầu loang khắp nơi trên vùng đất tự do.

